

THÔNG BÁO**Thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển viên chức vòng 2 năm 2024**

Hội đồng Tuyển dụng viên chức - Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai xin thông báo đến các ứng viên dự xét tuyển viên chức về thời gian, địa điểm, nội dung xét tuyển viên chức năm 2024 như sau:

I. THỜI GIAN: (Danh sách dự tuyển đính kèm)

- Buổi sáng lúc 7 giờ 30
- Buổi chiều lúc 13 giờ 30

1. Ngày 17/12/2024:

- Sáng: Bác sĩ, Số thứ tự 01 đến số thứ tự 47
- Chiều: Bác sĩ, Dược sĩ, Cao đẳng Dược, Kỹ thuật Y, Cao đẳng Kỹ thuật Y: Số thứ tự 48 đến số thứ tự 76.

2. Ngày 18/12/2024:

- Sáng: Cử nhân Điều dưỡng, Cao đẳng điều dưỡng. Cao đẳng hộ sinh: Số thứ tự 77 đến số thứ tự 119.
- Chiều: Cử nhân kinh tế, Cao đẳng kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân luật, Kỹ sư CNTT: Số thứ tự 120 đến số thứ tự 137.

II. ĐỊA ĐIỂM

Phòng số 308 lầu 3 khu A Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai, số 2 đường Đồng Khởi, phường Bình Đa (P.Tam Hòa cũ), Biên Hòa, Đồng Nai.

III. NỘI DUNG PHÒNG VẤN**1. Kiến thức chung tất cả vị trí ứng tuyển**

- Luật Viên chức chương II.
- Thông tư 7/2014/TT-BYT quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế.
- Thông tư 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 Hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ. (áp dụng chuyên ngành y tế)
- Thông tư 16/2018/TT-BYT ngày 25/5/2018 Hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 20/2021/TTLT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế
- Thông tư 31/2021/TT- BYT ngày 28/12/2021 của Bộ Y tế v/v Quy định điều dưỡng hoạt động trong bệnh viện (áp dụng cho điều dưỡng, hộ sinh)

2. Kiến thức chuyên môn

a. Đối với bác sĩ:

- Tăng huyết áp: chẩn đoán, phân loại, xử lý, biến chứng
- Suy tim cấp, mạn: triệu chứng, nguyên nhân, phân độ, các thể lâm sàng, tiên lượng
- Bệnh động mạch vành
- Đột quỵ: lâm sàng, xử lý cấp cứu
- Đái tháo đường: triệu chứng, chẩn đoán, nguy cơ, biến chứng
- Suy thận cấp, mạn: triệu chứng, chẩn đoán, nguyên nhân, giai đoạn bệnh thận mạn
- Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen: định nghĩa, triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán, phân loại thể lâm sàng, nguyên nhân và yếu tố nguy cơ
- Viêm gan; Xơ gan
- Viêm loét dạ dày tá tràng; Xuất huyết tiêu hóa: triệu chứng, chẩn đoán, xử trí
- Choáng, choáng phản vệ, ngưng hô hấp tuần hoàn: triệu chứng, nguyên nhân, xử trí
- Hôn mê: nguyên nhân, xử trí ban đầu
- Viêm ruột thừa, viêm túi mật, sỏi túi mật
- Tắc ruột, thoát vị bẹn, trĩ
- Thủng dạ dày, u dạ dày, u đại tràng, u gan
- Chấn thương bụng, vết thương thấu bụng, gãy xương
- Đau bụng cấp: Triệu chứng, xử trí
- Thang điểm Glassgow, CT.
- Khám thai, các tai biến sản khoa.

b. Đối với Dược sĩ

- Thuốc, liều lượng thuốc, thuốc độc, thuốc gây nghiện
- Phản ứng có hại của thuốc, tương tác thuốc
- Kháng sinh, đề kháng kháng sinh
- Thuốc điều trị rối loạn lipid máu, thuốc điều trị đái tháo đường
- Bảo quản, kiểm soát, quản lý thuốc; phân tích sử dụng thuốc
- Cấp phát thuốc.

c. Đối với Điều dưỡng:

- Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh Tập I, Tập II (Bộ Y Tế - NXB Y học)
- Chăm sóc người bệnh cao huyết áp
- Chăm sóc người bệnh phù phổi cấp
- Chăm sóc người bệnh truyền máu
- Chăm sóc người bệnh gãy xương
- Chăm sóc người bệnh dẫn lưu màng phổi
- Cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn.

d. Đối với Hộ sinh

- Chăm sóc người bệnh sản giật
- Chăm sóc người bệnh chữa ngoài tử cung vỡ
- Thăm khám phụ khoa
- Kỹ thuật khám thai
- Kỹ thuật đỡ đẻ thường ngôi chỏm
- Chăm sóc thiết yếu sau sanh
- Kỹ thuật đặt dụng cụ tử cung
- Kỹ thuật bấm ối
- Nuôi con bằng sữa mẹ.



e. Đối với Kỹ thuật viên Xét nghiệm

- Kỹ thuật XN phân loại nhóm máu, tế bào máu ngoại vi, nghiệm pháp coombs
- Xét nghiệm định lượng điện giải; xét nghiệm đánh giá chức năng gan, thận, tim
- Xét nghiệm chẩn đoán đái tháo đường
- Xét nghiệm phân tích nước tiểu
- Tiếp nhận, bảo quản, tiêu chuẩn và xử lý mẫu bệnh phẩm (Máu, đàm, nước tiểu...)
- Vi khuẩn, virus, kháng thể, kháng nguyên
- Xét nghiệm nhuộm soi, nuôi cấy, kháng sinh đồ, PCR, ELISA
- An toàn sinh học, an toàn phòng xét nghiệm, chất lượng xét nghiệm.

f. Đối với Kỹ thuật viên vật lý trị liệu

- Phục hồi chức năng sau gãy xương
- Phục hồi chức năng sau gãy thân xương đùi
- Phục hồi chức năng cho bệnh nhân loét do tỳ đè
- Phục hồi chức năng cho bệnh nhân liệt nửa người sau tai biến mạch máu não
- Vật lý trị liệu lồng ngực
- Tầm vận động.

g. Đối với Cử nhân kinh tế, Kế toán

- Công việc, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của kế toán
- Công tác kế toán doanh nghiệp
- Chuẩn mực, đạo đức nghề nghiệp
- Công tác quản lý tài sản.

h. Đối với Cử nhân Luật

- Luật viên chức, hợp đồng lao động, vị trí việc làm.

i. Đối với Quản trị kinh doanh

- Hoạt động quản trị kinh doanh, marketing trong môi trường y tế.

j. Đối với Công nghệ thông tin

- Hệ thống mạng máy tính.

❖ Lưu ý:

- Các thí sinh có mặt trước 15 phút để nghe phổ biến nội quy phỏng vấn
- Trang phục chỉnh tề, không mặc trang phục y tế.

Thông báo này được áp dụng trong đợt xét tuyển viên chức năm 2024.

Nơi nhận:

- Các ứng viên dự tuyển (thông qua website bệnh viện);
- Lưu: VT, HĐTD.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Phương Trâm

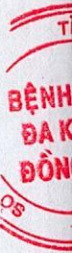


DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI NĂM 2024

(Đính kèm Thông báo số 03/TB-HĐTD ngày 03/12/2024 của Hội đồng tuyển dụng)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Thời gian phỏng vấn
			Nam	Nữ		
BÁC SĨ						
1	BS01	Trần Thanh Anh	02/06/1994		Nam Định	8g00 đến 8g30 ngày 17/12/2024
2	BS02	Trần Tuấn Anh	30/01/1996		Thanh Hóa	"
3	BS03	Nguyễn Đoàn Gia Bảo		03/01/1997	Bình Định	"
4	BS04	Nguyễn Thanh Bình	03/03/1998		Thừa Thiên Huế	"
5	BS05	Trần Chính	25/02/1998		Thừa Thiên Huế	"
6	BS06	Lê Minh Đức	08/11/1995		Thanh Hóa	"
7	BS07	Phan Hữu Đức	04/01/1995		Quảng Nam	"
8	BS08	Nguyễn Văn Đức	29/09/1998		Bình Định	8g30 đến 9g30 ngày 17/12/2024
9	BS09	Nguyễn Thị Mỹ Dung		14/01/1990	Đồng Nai	"

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Thời gian phỏng vấn
			Nam	Nữ		
10	BS10	Võ Tá Dũng	05/02/1997		Hà Tĩnh	8g30 đến 9g30 ngày 17/12/2024
11	BS11	Nguyễn Văn Duy	01/09/1993		Thừa Thiên Huế	"
12	BS12	Vi Thị Hạnh		14/01/1995	Bắc Giang	"
13	BS13	Nguyễn Lý Minh Hiền		22/07/1997	Quảng Ngãi	"
14	BS14	Nguyễn Thị Thu Hiền		20/01/1994	Thanh Hóa	"
15	BS15	Phạm Thị Hiền		06/12/1993	Thanh Hóa	"
16	BS16	Đỗ Trung Hiếu	28/08/1997		Thái Bình	"
17	BS17	Nguyễn Phi Hiếu	19/03/1998		TP. Hồ Chí Minh	"
18	BS18	Phạm Khắc Phi Hoàng	29/07/1996		Nam Định	"
19	BS19	Phan Minh Hoàng	15/12/1995		Vũng Tàu	"
20	BS20	Bùi Văn Hùng	10/05/1986		Hải Dương	"
21	BS21	Phạm Văn Hưng	29/08/1996		Nghệ An	"
22	BS22	Lê Thụy Thùy Khanh		08/02/1994	Đồng Nai	9g30 đến 10g30 ngày 17/12/2024
23	BS23	Lê Đăng Khoa	12/07/1993		Bình Định	"
24	BS24	Lã Dương lâm	05/06/1996		Nam Định	"



STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Thời gian phỏng vấn
			Nam	Nữ		
25	BS25	Phạm Thị Khánh Linh		22/12/1997	Thái Bình	<i>9g30 đến 10g30 ngày 17/12/2024</i>
26	BS26	Phạm Kim Long	27/02/1998		Thanh Hóa	"
27	BS27	Hồ Thị Yên Ly		20/18/1999	Quảng Nam	"
28	BS28	Nguyễn Đức Mạnh	17/12/1997		Hưng Yên	"
29	BS29	Lê Ngọc Hoàng Minh	27/07/1995		Quảng Nam	"
30	BS30	Dương Đặng Thành Nam	10/10/1996		Nghệ An	"
31	BS31	Nguyễn Quốc Nam	25/04/1993		Thanh Hóa	"
32	BS32	Nguyễn Tất Nam	20/12/1998		Nghệ An	"
33	BS33	Hoàng Thị Nga		24/02/1997	Nghệ An	"
34	BS34	Nguyễn Thị Nguyên		13/03/1995	Quảng Trị	"
35	BS35	Trần Trung Nguyên	14/09/1998		Hà Tĩnh	<i>10g30 đến 11g30 ngày 17/12/2024</i>
36	BS36	Trần Thị Ánh Nguyệt		15/08/1994	Đăklắk	"
37	BS37	Nguyễn Văn Phú	24/01/1998		Phú Yên	"
38	BS38	Lê Trần Quỳnh Phương		15/10/1998	Quảng Nam	"
39	BS39	Nguyễn Minh Phượng		30/06/1998	Nghệ An	"

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Thời gian phỏng vấn
			Nam	Nữ		
40	BS40	Dương Quang Sơn	01/01/1997		Đồng Nai	<i>10g30 đến 11g30 ngày 17/12/2024</i>
41	BS41	Nguyễn Thị Sương		02/04/1997	Hà Tĩnh	"
42	BS42	Ông Quốc Thái	15/06/1996		Trà Vinh	"
43	BS43	Nguyễn Thị Thu Thảo		06/03/1998	Quảng Ngãi	"
44	BS44	Phạm Quý Thông	12/01/1989		An Giang	"
45	BS45	Trần Thị Hạnh Thu		05/01/1994	Thừa Thiên Huế	"
46	BS46	Lương Thị Bích Thùy		21/06/1995	Lạng Sơn	"
47	BS47	Lê Bảo Trâm		04/01/1996	Tiền Giang	"
48	BS48	Nguyễn Dương Thiên Trang		03/08/1997	TP.HCM	<i>13g30 đến 14g30 ngày 17/12/2024</i>
49	BS49	Đinh Thanh Trúc		30/05/1996	Nam Định	"
50	BS50	Lê Quốc Trung	30/10/1997		Nghệ An	"
51	BS51	Trần Minh Trung	04/05/1996		Đồng Nai	"
52	BS52	Đỗ Hữu Tuyên	13/05/1995		Bình Định	"
53	BS53	Ngô Đức Yên	26/03/1992		Hà Tĩnh	"



STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Thời gian phỏng vấn
			Nam	Nữ		
DUỢC SĨ						
54	CND01	Nguyễn Phương Anh		02/07/1998	Nam Định	13g30 đến 14g30 ngày 17/12/2024
55	CND02	Bùi Thanh Bình	18/04/1985		Đồng Nai	"
56	CND03	Nguyễn Thiện Huy	08/06/1993		Nam Định	"
57	CND04	Từ Thị Ánh Nguyệt		10/06/1984	Bình Định	"
58	CND05	Hoàng Thị Thu Thảo		20/10/1998	Hà Nam	"
59	CND06	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	24/06/1985		Hưng Yên	"
CAO ĐẲNG DUỢC						
60	CĐD01	Phạm Thị Ngân Hà		16/02/1993	Thanh Hóa	15g30 đến 16g30 ngày 17/12/2024
61	CĐD02	Nguyễn Thị Hà		05/04/1987	Hà Nam	"
62	CĐD03	Nguyễn Văn Nghĩa Hiệp	10/05/1999		Nghệ An	"
63	CĐD04	Trần Bảo Ngọc		11/03/2000	Hải Dương	"
64	CĐD05	Nguyễn Tuyết Quỳnh Như		10/11/1992	Nam Định	"
65	CĐD06	Khổng Thị Tố Trinh		10/10/1994	Bến Tre	"

T
ĐỆNH
ĐA K
ĐÔNG

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Thời gian phỏng vấn
			Nam	Nữ		
KỸ THUẬT Y						
66	KTV01	Nguyễn Anh Diệm	28/12/1997		Nam Định	15g30 đến 16g30 ngày 17/12/2024
67	KTV02	Đinh Thị Hồng		03/04/2001	Thanh Hóa	"
68	KTV03	Nguyễn Đình Song Huy	10/04/2001		Đồng Nai	"
69	KTV04	Võ Thị Phương Linh		26/09/1997	Tây Ninh	"
70	KTV05	Lương Văn Quang	18/11/2001		Kiên Giang	"
71	KTV06	Nguyễn Thị Hoàng Thắm		02/11/2000	Đồng Nai	"
72	KTV07	Nguyễn Thị Thủy Tiên		12/04/2001	Campuchia	"
73	KTV08	Hoàng Kim Đan Vi		01/09/2000	Hà Tĩnh	"
CAO ĐẲNG KỸ THUẬT Y						
74	CĐKTV01	Tạ Xuân Hoán	08/04/1999		Hải Dương	15g30 đến 16g30 ngày 17/12/2024
75	CĐKTV02	Nguyễn Khánh Loan		24/03/1998	Đồng Nai	"
76	CĐKTV03	Võ Văn Vũ	24/03/1989		Quảng Ngãi	"



STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Thời gian phỏng vấn
			Nam	Nữ		
CỦ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG						
77	ĐD01	Lê Thị Ngọc Ánh		16/11/2001	Bình Định	7g30 đến 8g30 ngày 18/12/2024
78	ĐD02	Nguyễn Thị Duyên		07/03/2001	Quảng Nam	"
79	ĐD03	Nguyễn Thu Hà		18/07/2000	Phú Yên	"
80	ĐD04	Hoàng Thị Hạnh		09/03/1993	Cao Bằng	"
81	ĐD05	Lê Thị Huyền		24/09/1996	Thanh Hóa	"
82	ĐD06	Bùi Thị Thu Lan		22/01/2001	Long An	"
83	ĐD07	Trần Thị Mỹ Lệ		03/06/1991	Đồng Nai	"
84	ĐD08	Lương Thị Thanh Lượng		06/05/2000	Lâm Đồng	"
85	ĐD09	Vũ Đình Lý	29/05/2002		Nam Định	"
86	ĐD10	Phạm Thị Kim Ngân		13/06/2001	Đồng Tháp	"
87	ĐD11	Nguyễn Ngọc Phương Nhi		21/01/2000	Hải Phòng	"
88	ĐD12	Vũ Thị Thùy Phương		14/08/1984	Kiên Giang	8g30 đến 9g30 ngày 18/12/2024
89	ĐD13	Huỳnh Phan Kim Quý		10/01/2000	Đồng Nai	"

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Thời gian phỏng vấn
			Nam	Nữ		
90	ĐD14	Phạm Tấn Sang	14/04/1998		Đồng Nai	<i>8g30 đến 9g30 ngày 18/12/2024</i>
91	ĐD15	Ngô Ngọc Tiên		30/12/2000	Nam Định	"
92	ĐD16	Nguyễn Thị Huyền Trang		02/09/2000	Nam Định	"
CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG						
93	CĐĐD01	Nguyễn Thị Vân Anh		25/04/2001	Hà Nội	<i>8g30 đến 9g30 ngày 18/12/2024</i>
94	CĐĐD02	Nguyễn Hà Kiều Anh		26/06/2001	Quảng Bình	"
95	CĐĐD03	Nguyễn Thị Ngọc Diễm		07/03/1999	Đồng Nai	"
96	CĐĐD04	Võ Thị Quỳnh Giang		19/01/2002	Campuchia	"
97	CĐĐD05	Nguyễn Thị Thanh Hồng		06/08/2000	Phú Thọ	"
98	CĐĐD06	Bùi Thị Hương		03/05/1995	Gia Lai	"
99	CĐĐD07	Nguyễn Thị Kim Hường		25/04/1995	Hưng Yên	<i>9g30 đến 10g30 ngày 18/12/2024</i>
100	CĐĐD08	Lê Thị Thùy Liên		20/11/2001	Quảng Trị	"
101	CĐĐD09	Nguyễn Thị Kim Liên		01/04/2002	Long An	"
102	CĐĐD10	Vũ Hoàng Bảo Long	16/04/2000		Đồng Nai	"



STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Thời gian phỏng vấn
			Nam	Nữ		
103	CĐDD11	Nguyễn Thị Quỳnh Mai		19/11/2002	Đồng Nai	<i>9g30 đến 10g30 ngày 18/12/2024</i>
104	CĐDD12	Lê Thị Ngân		29/02/1996	Hưng Yên	"
105	CĐDD13	Nguyễn Vũ Uyển Nhi		17/07/2002	Hải Dương	"
106	CĐDD14	Châu Đào Cẩm Nhung		19/05/1997	Đồng Nai	"
107	CĐDD15	Đông Cẩm Nhung		11/11/2002	Gia Lai	"
108	CĐDD16	Đổng Thị Thu Quý		21/09/2002	Đồng Nai	"
109	CĐDD17	Trịnh Thị Ngọc Thanh		18/03/1999	Đồng Nai	<i>10g30 đến 11g30 ngày 18/12/2024</i>
110	CĐDD18	Nguyễn Thị Phương Thảo		07/05/2001	Nghệ An	"
111	CĐDD19	Ngô Minh Thơ		26/08/2002	Thanh Hóa	"
112	CĐDD20	Phạm Thị Hoài Thu		17/09/2022	Thừa Thiên Huế	"
113	CĐDD21	Phan Thị Thùy		23/07/2001	Nghệ An	"
114	CĐDD22	Nguyễn Văn Minh Tiến	23/11/2001		Thừa Thiên Huế	"
115	CĐDD23	Mai Thị Quỳnh Trâm		14/03/1995	Thái Bình	"
116	CĐDD24	Danh Thị Thu Trúc		14/07/1991	Đồng Nai	"
117	CĐDD25	Đinh Thị Thùy Vy		19/11/1992	Phú Thọ	"
118	CĐDD26	Nguyễn Thị Thu Vy		04/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	"

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Thời gian phỏng vấn
			Nam	Nữ		
CAO ĐẲNG HỘ SINH						
119	CDHS01	Lê Thị Huyền Trang		10/10/1993	Thanh Hóa	10g30 đến 11g30 ngày 18/12/2024
CỬ NHÂN KINH TẾ						
120	CNKT01	Nguyễn Văn Bình	03/11/1987		Thanh Hóa	13g30 đến 14g30 ngày 18/12/2024
121	CNKT02	Nguyễn Thị Hà		05/04/1987	Hà Nam	"
122	CNKT03	Đào Phan Hoàng Nam		01/01/1992	Hà Nội	"
123	CNKT04	Trương Nguyễn Quỳnh Như		01/02/1992	Đồng Nai	"
124	CNKT05	Nguyễn Thị Thanh Phương		06/01/1980	Đồng Nai	"
125	CNKT06	Phạm Xuân Quỳnh		17/02/1998	Thái Bình	"
126	CNKT07	Bùi Thị Yến		30/06/1994	Ninh Bình	"
CAO ĐẲNG KẾ TOÁN						
127	CĐKT01	Lê Thị Hà		02/03/1993	Thanh Hóa	13g30 đến 14g30 ngày 18/12/2024
128	CĐKT02	Cao Thị Ngọc Nga		14/10/2000	Quảng Bình	"
129	CĐKT03	Tạ Nguyễn Băng Thảo		04/01/1988	Đồng Nai	"



STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Thời gian phỏng vấn
			Nam	Nữ		
CỬ NHÂN QTKD						
130	QTKD01	Lê Khắc Việt	04/08/1978		Bình Thuận	14g30 đến 15g30 ngày 18/12/2024
CỬ NHÂN LUẬT						
131	CNL01	Cao Quốc Phúc Lâm	09/12/1997		Trà Vinh	14g30 đến 15g30 ngày 18/12/2024
132	CNL02	Nguyễn Tiến Sỹ	02/04/1999		Đồng Nai	"
133	CNL03	Bùi Thị Thơm		17/07/2000	Thái Bình	"
134	CNL04	Vũ Thị Hoàng Yến		04/02/1989	Nam Định	"
KỸ SƯ CNTT						
135	CNTT01	Phạm Đăng Khoa	09/11/1986		Đồng Nai	14g30 đến 15g30 ngày 18/12/2024
136	CNTT02	Nguyễn Tấn phước	06/04/1996		Hà Nội	"
137	CNTT03	Lê Thị Xoang		01/01/1986	Quảng Nam	"

